

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA- TỈNH PHÚ YÊN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Khánh và ông Nguyễn Bá Tông.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2023. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950; Nơi cư trú hiện nay: Thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt

Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961; Nơi cư trú hiện nay: Thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2017, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xích mích. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được ông H yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

\* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn vào năm 2017, được UBND xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn như ông H trình bày. Quá trình chung sống thì vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì gay gắt, hiện nay hai vợ chồng không chung sống được với nhau nữa, tuy nhiên hiện nay bệnh đau, hoàn cảnh khó khăn nên khi nào ông H cấp dưỡng tiền để chữa bệnh thì mới đồng ý ly hôn với ông H.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tạo lập khối tài sản chung gồm: Bè chở đồ ăn cho tôm ăn trị giá 100.000.000đồng; Hai nhà chứa ngoài bè trị 50.000.000đồng; 16 ô nuôi tôm hùm trị giá 800.000.000đồng; 20 lồng nuôi tôm hùm trị giá 400.000.000đồng; 20 rọ nuôi tôm hùm trị giá 400.000.000đồng; 20 khung sắt cột rọ nuôi tôm trị giá 2.000.000đồng; 01 trại chứa nước trong đất liền trị giá 20.000.000đồng; 01 máy bơm nước mặn + ống bơm nước trị giá: 6.000.000đồng; 01 nhà lợp tole sau đó sửa lại trị giá 150.000.000đồng (không có hoá đơn, chứng từ); 01 tivi S. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

**Tại phiên toà:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Phạm Thị L thống nhất thoả thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ông H đồng ý cấp dưỡng cho bà L số tiền 400.000đồng/tháng (từ tháng 09/2023) cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Ông H tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông H và bà L.

+ Về con chung: Không có con chung.

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

+ Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của ông H đối với bà L mỗi tháng 400.000đồng/tháng.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp về ly hôn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại **Thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **H** và bà **L** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã **H, huyện Đ (nay là thị xã Đ)** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 11/10/2017 là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, ông **H** và bà **L** thống nhất ly hôn nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **H** và bà **L**.

[2.2] Về con chung: Không có con chung nên không xét.

[2.3] Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[2.4] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ghi nhận sự thoả thuận giữa các đương sự, ông **H** tự nguyện cấp dưỡng cho bà **L** mỗi tháng số tiền 400.000đồng/tháng (bắt đầu từ tháng 09/2023) và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự về phần cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 115, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Văn H** và bà **Phạm Thị L**.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.

4. Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện cấp dưỡng cho bà Phạm Thị L mỗi tháng 400.000đồng/tháng (bắt đầu từ tháng 9/2023) và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006961 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp số tiền 300.000đồng.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- VKSND TX. Đông Hòa;
- UBND xã Hoà Xuân Nam;  
(CNKH số 21/2017);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Hưng**